TỔNG CÔNG TY **PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CTCP** **PETROVIETNAM FERTILIZER & CHEMICALS CORPORATION**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số/No: 26-4053 /PBHC-PCTT	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2026* *Ho Chi Minh City , November 5, 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

V/v: Điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
Re: Adjustment in Business Plan for 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP/ Petrovietnam Fertilizer & Chemicals Corporation (PVFCCo).
   - Mã chứng khoán/*Stock symbol*: DPM
   - Trụ sở chính/*Address*: 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Sài Gòn TP Hồ Chí Minh/*43 Mac Dinh Chi Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City*
   - Điện thoại/*Tel*: 028 - 3825 6258; Fax: 028- 3825 6269
2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Căn cứ Nghị quyết số 26-4052/NQ-PBHC ngày 04/11/2026 của Hội đồng quản trị PVFCCo về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 của PVFCCo, Tổng công ty công bố thông tin như đính kèm./ *Pursuant to Resolution No. 26-4052/NQ-PBHC dated November 04, 2026 of the Board of Directors of PVFCCo regarding the adjustment of the 2026 business plan for PVFCCo, the Corporation hereby announces information as attached.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty từ ngày 05/11/2026 tại đường dẫn/ *This information was published on the Corporation's website on November 05, 2026, as in the link:* https://dpm.vn/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Nơi nhận:
- Như trên (ECM)/*As above*;
- HĐQT, TGĐ, BKS/*BOD, BOM, SB*;
- Ban: TCKT, TTTT/*Comm. Dept*;
- Lưu: VT, TH, PCTT (TTV)/*Filing*.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
- Chỉ tiêu điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2026/ *Adjustments in business plan for 2026.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/ *PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION*

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ PHUMY
Ký bởi: TRƯƠNG THẾ VINH
Ngày ký: 05/11/2026 08:16:53

Trương Thế Vinh

ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026 CỦA PVFCCo
ADJUSTMENTS IN BUSINESS PLAN FOR 2026 OF PVFCCo

(Theo Nghị quyết số 26-4052/NQ-PBHC ngày 04/11/2026 của HĐQT PVFCCo/According to the Resolution No.26-4052/NQ-PBHC dated November 4, 2026 of the BOD of PVFCCo)

1. Chỉ tiêu kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)/ Consolidated Financial Targets

STT/ *No*	Chỉ tiêu/*Targets*	Đơn vị tính/*Unit*	Kế hoạch 2026/ *Plan for 2026*	Kế hoạch 2026 điều chỉnh/*Adjusted 2026 plan*
1	Tổng doanh thu/*Total Revenue*	Tỷ đồng/ *VND bil.*	17 600	19 000
2	Lợi nhuận trước thuế/ *Profit Before Tax*	Tỷ đồng/ *VND bil.*	850	1 770
3	Lợi nhuận sau thuế/ *Profit After Tax*	Tỷ đồng/ *VND bil.*	680	1 445

2. Kế hoạch Công ty mẹ /*Holding Plan*

2.1. Chỉ tiêu kế hoạch Tài chính/ *Financial Targets*

STT/ No	Chỉ tiêu/*Targets*	Đơn vị tính/ Unit	Kế hoạch 2026/ *Plan for 2026*	Kế hoạch 2026 điều chỉnh/ *Adjusted 2026 plan*
1	Tổng doanh thu /*Total Revenue*	Tỷ đồng/ *VND bil.*	15 295	16 750
2	Lợi nhuận trước thuế / *Profit Before Tax*	Tỷ đồng/ *VND bil.*	800	1 690
3	Lợi nhuận sau thuế / *Profit After Tax*	Tỷ đồng/ *VND bil.*	647	1 375

2.2. Chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư/ *Investment Capital Plan*

STT/ No	Chỉ tiêu/*Targets*	Đơn vị tính/*Unit*	Kế hoạch 2026/ *Plan for 2026*	Kế hoạch 2026 điều chỉnh/ *Adjusted 2026 plan*
I	**Tổng nhu cầu vốn đầu tư/ *Total capital***	Tỷ đồng/ *VND Bil.*	**1 163.3**	**1 399.5**
1	Đầu tư XDCB / *Basic Construction Investment Projects*	Tỷ đồng/ *VND Bil.*	582.6	582.6
2	Mua sắm tài sản, trang thiết bị/ *Procurement of Assets and Equipments*	Tỷ đồng/ *VND Bil.*	371.7	386.9
3	Đầu tư tài chính/góp vốn/ *Financial Investments*	Tỷ đồng/ *VND Bil.*	210.0	430.0
II	**Nguồn vốn đầu tư/ *Capital Sources***	Tỷ đồng/ *VND Bil.*	**1 164.3**	**1 399.5**
1	Vốn Chủ sở hữu/ *Owner's Equity*	Tỷ đồng/ *VND Bil.*	1 164.3	1 399.5
2	Vốn vay và khác / *Loans & other sources*	Tỷ đồng/ *VND Bil.*	-	